

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HS-PT
Ngày 13-04-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhậm

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Khánh.

Ông Nguyễn Thiện Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 34/2023/TLPT-HS ngày 24 tháng 2 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Nhật T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 11-01-2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

- Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Nhật T, sinh năm 1998, tại Long An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An; Nơi ở hiện nay: xã N, huyện T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh S, sinh năm 1979 (đã chết) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1979; có vợ là Huỳnh Thị Kim D, sinh năm 1998 và 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại điều tra (có mặt).

Những người không kháng cáo, kháng nghị không triệu tập:

- Bị hại: Ông Lý Nam T1, sinh năm 1947; Địa chỉ: thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Nhựt B, sinh năm 1993

2. Ông Lê Tấn K, sinh năm 1985

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/4/2020 Nguyễn Nhật T được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV576142 đối với thửa đất số 297, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An; nguồn gốc sử dụng là nhận thừa kế từ ông nội tên Nguyễn Văn Ráng chết để lại cho Nguyễn Nhật T. Sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, T lên mạng đặt làm giả một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ một người thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 2.500.000 đồng. Mục đích của T để thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật vay tiền ngân hàng, khi người thân có hỏi thì T lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đưa cho người thân xem. Khoảng năm ngày sau, một người thanh niên mặc đồ shipper màu xanh (không biết rõ họ tên và địa chỉ, không nhớ biển số xe) đến nhà T giao hàng và nói giá 2.500.000 đồng thì lúc này T biết bên trong gói hàng là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã đặt mua trên mạng trước đó nên T lấy tiền trả cho người thanh niên giao hàng và cất giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả vào tủ. Ngày 24/11/2021, T chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 297 nêu trên cho Nguyễn Nhựt B và đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Tân Trụ chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất sang tên Nguyễn Nhựt B ngày 08/12/2021. Do thiếu tiền xây nhà nên ngày 13/01/2022 T lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 576142 đã mua trên mạng trước đó đem đến nhà ông Lý Nam T1 tại 6/80B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An để thế chấp vay tiền. Tại nhà ông T1, T giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông T1; ông T1 đồng ý cho T vay số tiền 35.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Sau đó, hàng tháng T có đến nhà ông T1 trả tiền lãi nhiều lần, tính đến ngày 19/5/2022 thì T đã trả tiền lãi cho ông T1 tổng cộng là 4.840.000 đồng. Sau khi Nguyễn Nhựt B nghe được thông tin Nguyễn Nhật T thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền của ông T1 nên ngày 19/5/2022 B đến nhà ông T1 để hỏi sự việc. Tại đây, ông T1 lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà T giao, để cho B xem. Vì nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả nên ông T1 cùng với B mang theo giấy này đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Trụ kiểm tra thì biết được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là giả và ông T1 trình báo sự việc với Cơ quan Công an.

Tại Kết luận giám định số 596/KL-KTHS ngày 20/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An kết luận: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”, số CV 576142 (đóng dấu TLCDĐ, ký hiệu A) là giả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 01/2023/HS-ST ngày 11-01-2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An đã xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Nhật T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Nhật T 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Nhật T 02 (Hai) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Nhật T chấp hành hình phạt chung cho hai tội là: 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Về vật chứng:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, tịch thu tiêu hủy:

01 (Một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV576142 mang tên Nguyễn Nhật T sinh năm 1998, số CMND 301647150, địa chỉ: thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (Giấy do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 29/4/2020, do ông Nguyễn Văn Thông ký), thửa đất số 297, tờ bản đồ số 6, sổ vào sổ cấp GCN: 05878.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 18/01/2023, bị cáo Nguyễn Nhật T kháng cáo giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Nguyễn Nhật T thừa nhận thực hiện hành vi như bản án sơ thẩm đã xử, bị cáo xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là đúng, không oan. Bị cáo Nguyễn Nhật T kháng cáo giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm có nội dung:

Bị cáo kháng cáo trong thời hạn theo quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Lúc đầu vì muốn qua mặt người thân nên bị cáo đã lên mạng tìm người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng sau đó vì động cơ vụ lợi, bị cáo đã có hành vi gian dối dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để làm cho bị hại tin tưởng giao cho bị cáo vay tài sản là số tiền 35.000.000 đồng, bị hại đã giao tiền cho bị cáo như vậy là hành vi phạm tội đã hoàn thành. Hành vi này của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên cấp sơ thẩm xét xử và tuyên phạt bị cáo về các tội danh và áp dụng mức án nêu trên cho bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm áp dụng điểm i phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự là chưa chính

xác, trái với hướng dẫn tại mục 4 Công văn số 01/2017 ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao, bị cáo phạm 2 tội không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sai sót này cần rút kinh nghiệm. Khi kháng cáo bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ xem xét kháng cáo của bị cáo.

Ngoài ra, tại phần Quyết định của bản án, Tòa án sơ thẩm áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CV576142 mang tên Nguyễn Nhật T sinh năm 1998, số CMND 301647150, địa chỉ: thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (Giấy do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 29/4/2020, do ông Nguyễn Văn Thông ký), thửa đất số 297, tờ bản đồ số 6, số vào sổ cấp GCN: 05878. Việc Tòa án sơ thẩm áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả như đã nêu là sai lầm trong áp dụng pháp luật và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về xử lý vật chứng: Các giấy tờ, tài liệu giả nêu trên là vật chứng, chứng cứ quan trọng của vụ án cần phải được lưu trong hồ sơ vụ án, theo quy định tại Điều 89, 90, 104, 105 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 5 Nghị định số 127/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định chi tiết việc niêm phong, mở niêm phong vật chứng.

Từ những phân tích trên,

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự, giữ y tội danh và hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 11/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, sửa lại phần quyết định của Tòa án sơ thẩm không áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CV576142 mang tên Nguyễn Nhật T.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo không tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Nhật T kháng cáo trong thời hạn theo quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

[2] Về nội dung: Ngày 13/01/2022 bị cáo đã sử dụng một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đặt mua trên mạng để thế chấp cho ông Lý Nam T1 vay số tiền 35.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Trong khi thực tế tại thời điểm này, thửa đất 297 đã được chính lý biến động sang tên người khác, không còn thuộc quyền sử dụng của bị cáo.

[3] Bị cáo là người đã thành niên, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình và có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Vì động cơ

vụ lợi, muốn có tiền để phục vụ cho mục đích cá nhân bị cáo; bị cáo đã có thủ đoạn gian dối dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để làm cho bị hại tin tưởng giao cho bị cáo vay tài sản là số tiền 35.000.000 đồng, bị hại đã giao tiền cho bị cáo, tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã hoàn thành theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự. Với tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là số tiền 35.000.000 đồng. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Hành vi dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thực hiện tội phạm “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với định khung tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là tội phạm ít nghiêm trọng của bị cáo cũng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự, nên án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng pháp luật. Án sơ thẩm đã xét xử bị cáo 6 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự và 2 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo:

[4.1] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

Án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo như: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại phiên tòa bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi; bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ dân quân luân phiên thường trực tại Ban chỉ huy quân sự thị trấn Tân Trụ, huyện Tân Trụ; ông nội bị cáo là ông Nguyễn Văn Ráng và bà nội bị cáo là bà Nguyễn Thị Lung đều là người có công với Cách mạng được tặng thưởng nhiều huân chương. Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” Án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 06 tháng tù. Xét thấy, án sơ thẩm xem xét bị cáo có tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự trong khi bị cáo phạm một lúc hai tội là chưa đúng tuy nhiên bị cáo phạm tội có 2 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo 6 tháng tù là mức án khởi điểm của khung hình phạt bị cáo bị truy tố và đưa ra xét xử. Bị cáo kháng cáo có cung cấp tình tiết Gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên có căn cứ áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất khung hình phạt bị cáo bị truy tố và đưa ra xét xử, giảm nhẹ một phần hình phạt theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo là có căn cứ. Đối với tội “Sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức” Án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 02 năm tù là mức án khởi điểm của khung hình phạt bị cáo bị truy tố và đưa ra xét xử. Bị cáo kháng cáo có cung cấp

tình tiết gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương tuy nhiên bị cáo chỉ có 1 tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên không đủ căn cứ xem xét giảm nhẹ thêm hình phạt đối với bị cáo trong tội này.

[4.2] Về kháng cáo xin hưởng án treo: Bị cáo phạm nhiều tội trong đó có tội nghiêm trọng thuộc trường hợp không được cho hưởng án treo nên theo quy định tại Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/04/2022 và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về án treo nên không có căn cứ chấp nhận.

[4.3] Về xử lý vật chứng là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả bị cáo dùng vào việc phạm tội nên sửa lại tịch thu lưu chứng cứ theo hồ sơ vụ án nên cần sửa bản án về xử lý vật chứng như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp.

[5] Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận 1 phần yêu cầu yêu cầu kháng cáo của bị cáo sửa hình phạt của bản án sơ thẩm giảm 1 phần hình phạt đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đối với bị cáo và sửa phần xử lý vật chứng theo quy định.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo Nguyễn Nhật T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần.

[7] Các khoản khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Nhật T; Sửa hình phạt Bản án Hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 11-01-2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An giảm 1 phần hình phạt của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đối với bị cáo.

2. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Nhật T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật T 03 (Ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật T 02 (Hai) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Nhật T chấp hành hình phạt chung cho hai tội là: 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, tịch thu lưu hồ sơ vụ án:

01 (Một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có nội dung: số CV576142 mang tên Nguyễn Nhật T sinh năm 1998, số CMND 301647150, địa chỉ: thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 29/4/2020, do ông Nguyễn Văn Thông ký), thửa đất số 297, tờ bản đồ số 6, sổ vào sổ cấp GCN: 05878.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Nhật T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Nhậm